

Số: 79/2022/QĐST- HNGĐ

Cẩm Khê, ngày 03 tháng 6 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án thụ lý số: 175/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2022 giữa:

- Nguyên đơn: **Anh Bùi Khánh L**, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Khu H, xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

- Bị đơn: **Chị Đoàn Thị T**, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Khu H, xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 5 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 5 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Bùi Khánh L và chị Đoàn Thị T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Bùi Tuyết M, sinh ngày 26/01/2021 kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Bùi Khánh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/01 tháng, kể từ tháng 6/2022 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), phương thức cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ vào ngày 25 hàng tháng. Anh L được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.

Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản; Công sức: Anh L và chị T đều xác nhận không có không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh L tự nguyện chịu cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo định kỳ. Xác nhận anh L đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2020/0007679 ngày 23/5/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cẩm Khê;
- Các đương sự;
- UBND xã M;
- Lưu HSVA.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Thu Huyền